

Số: 2031/QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2015**

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia năm 2015;

Theo đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục 06 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2015 (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp phối hợp với Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật tổ chức thông báo danh mục nêu tại Điều 1 trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định để các tổ chức, cá nhân biết và chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp.

Giao cho các ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp tổ chức Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá hồ sơ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp theo quy định hiện hành và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp.

**Điều 3.** Các ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTH

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Quốc Khánh**

**DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA ĐẶT HÀNG  
ĐỀ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số 2031/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
1	<p><b>Dự án sản xuất thử nghiệm cấp quốc gia:</b> Hoàn thiện công nghệ và dây chuyền thiết bị sản xuất bột giấy hiệu suất cao tẩy trắng từ gỗ keo và bạch đàn.</p>	<p>1. Làm chủ được công nghệ sản xuất bột giấy hiệu suất cao tẩy trắng từ gỗ keo và bạch đàn trong nước, phù hợp với sản xuất công nghiệp. 2. Thiết kế, xây dựng được dây chuyền công nghệ sản xuất bột giấy hiệu suất cao tẩy trắng, công suất 6.000 tấn/năm từ nguyên liệu gỗ keo và bạch đàn. 3. Sản xuất bột giấy hiệu suất cao tẩy trắng từ nguyên liệu gỗ keo và bạch đàn cho sản xuất giấy in, giấy viết và giấy bao bì công nghiệp.</p>	<p>1. Bộ tài liệu quy trình công nghệ sản xuất bột giấy hiệu suất cao tẩy trắng đã được hoàn thiện. 2. Bộ tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ chế tạo, lắp đặt, vận hành dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất bột giấy hiệu suất cao tẩy trắng. 3. 01 dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất bột giấy hiệu suất cao tẩy trắng công suất 6.000 tấn/năm đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường. 4. Sản phẩm: 1.200 tấn bột giấy hiệu suất cao tẩy trắng có chất lượng tương đương với bột giấy hiệu suất cao nhập khẩu, cụ thể: hiệu suất bột giấy <math>\geq 85\%</math>; chỉ số bục <math>\geq 2,0</math> kPa.m<sup>2</sup>/g; chiều dài đứt <math>\geq 3.200</math> m; chỉ số xé <math>\geq 4,0</math> mNm<sup>2</sup>/g; độ trắng <math>\geq 65\%</math> ISO.</p>	<p>Giao trực tiếp cho Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulo, Tổng Công ty Giấy Việt Nam, Bộ Công Thương</p>





TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
2	<p><b>Dự án sản xuất thử nghiệm cấp quốc gia:</b> Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất vải và sản phẩm dệt kim đan ngang đàn tính cao sử dụng sợi Spandex.</p>	<p>1. Làm chủ được công nghệ sản xuất vải và các sản phẩm dệt kim đan ngang từ sợi bông, PET, Pe/Co, Vitxco với sợi đàn tính cao spandex. 2. Tạo ra dòng sản phẩm dệt may đàn tính cao sử dụng spandex, chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường Việt Nam. 3. Tổ chức sản xuất vải và sản phẩm dệt kim đan ngang đàn tính cao sử dụng sợi Spandex tại các doanh nghiệp.</p>	<p>1. Bộ tài liệu công nghệ về: - Bản thiết kế, quy trình công nghệ dệt các loại vải dệt kim đan ngang từ sợi bông, PET, Pe/Co, Vitxco với sợi đàn tính cao spandex; - Quy trình công nghệ sản xuất sợi pha từ sợi bông, PET, Vitxco pha với sợi đàn tính cao spandex; - Quy trình công nghệ xử lý trước, nhuộm và hoàn tất các loại vải dệt kim đan ngang từ sợi bông, PET, Pe/Co, Vitxco với sợi đàn tính cao spandex. 2. Bộ tài liệu thiết kế hoàn thiện hệ thống thiết bị sản xuất sợi, sợi pha spandex công suất 120 tấn/năm để sản xuất vải dệt kim đàn tính cao. 3. 01 dây chuyền thiết bị được nâng cấp đồng bộ sản xuất sợi, sợi pha spandex công suất 120 tấn/năm để sản xuất vải dệt kim đàn tính cao. 4. Sản phẩm: 80 tấn sản phẩm vải và các sản phẩm dệt kim đan ngang đàn tính cao sử dụng sợi spandex, đạt chất lượng: - Khối lượng vải (<math>g/m^2</math>) (ASTM D3776): 140-220; - Sai lệch khối lượng so với khối lượng mẫu vải chuẩn: <math>\pm 5\%</math>; - Sai lệch khổ giữa các vị trí trong cùng một cuộn vải (ASTM D 3774): 3 cm; - Độ xiên canh ngang, vòng cung ngang (ASTM D3882): <math>&lt; 20\%</math>;</p>	<p>Giao trực tiếp cho Viện Dệt may, Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Bộ Công Thương</p>

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng co giãn:</li> <li>+ Chỉ tiêu co giãn : <math>\geq 150\%</math>;</li> <li>+ Chỉ tiêu phục hồi: <math>\geq 98\%</math>;</li> <li>- Độ bền màu giặt (<math>t = 40^{\circ}\text{C}</math>) TCVN 7835-C10: <math>\geq</math> cấp 4;</li> <li>- Độ bền màu ma sát (ISO 105 X12:2001) <math>\geq</math> cấp 3- 4;</li> <li>- Độ bền màu mồ hôi (AATCC 15-09): <math>\geq</math> cấp 4;</li> <li>- Độ lệch màu giữa các cuộn vải:( ISO 105 A02): 1 cấp cùng ánh, 1/2 cấp khác ánh;</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (TCVN 8041:2009 ) <math>\leq 5\%</math> ;</li> <li>- Khả năng thấm ướt (AATCC 79): <math>&lt; 7</math> giây;</li> <li>- Chất lượng ngoại quan vải (ASTM D5430-04):</li> <li>+ Tổng điểm lỗi: <math>\leq 0,28</math> điểm/m<sup>2</sup>;</li> <li>+ Các dạng lỗi nặng: <math>\leq 4</math> lỗi/100 m<sup>2</sup>.</li> </ul>	
3	<p><b>Đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia:</b></p> <p>Nghiên cứu công nghệ sản xuất bột nấm men giàu kẽm hữu cơ làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm</p>	<p>1. Xây dựng được quy trình công nghệ và lựa chọn được thiết bị sản xuất bột nấm men giàu kẽm hữu cơ để sản xuất thực phẩm chức năng.</p> <p>2. Sản xuất được bột nấm men giàu kẽm hữu cơ và ứng dụng để sản xuất thực phẩm chức năng.</p>	<p>1. Bộ quy trình công nghệ sản xuất bột nấm men giàu kẽm hữu cơ và sản xuất thực phẩm chức năng.</p> <p>2. Bộ tài liệu thiết kế hệ thống thiết bị pilot sản xuất bột nấm men giàu kẽm hữu cơ để sản xuất thực phẩm chức năng.</p> <p>3. 01 hệ thống thiết bị pilot sản xuất bột nấm men giàu kẽm hữu cơ với quy mô 7 ÷ 10 kg/mẻ.</p> <p>4. Sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 02 ÷ 03 chủng nấm men có khả năng tích lũy kẽm hữu</li> </ul>	Tuyển chọn



TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
	chức năng.		<p>ơ đạt trên 3,0 mg/1g sinh khối khô.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100 kg bột nấm men chứa tối thiểu 5 mg kẽm hữu cơ/g và đạt tiêu chuẩn làm thực phẩm chức năng.</li> <li>- 20 kg sản phẩm chức năng dạng viên chứa 5 mg kẽm hữu cơ/viên, tương đương với sản phẩm cùng loại của Đức (Optimal Zink).</li> </ul>	
4	<p><b>Đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia:</b></p> <p>Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano chế tạo chất kết dính dùng cho sản xuất phốt pho vàng từ quặng apatit cấp hạt nhỏ.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Làm chủ công nghệ chế tạo chất kết dính dùng cho sản xuất phốt pho vàng từ quặng apatit cấp hạt nhỏ trên cơ sở ứng dụng công nghệ nano.</li> <li>2. Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất viên quặng apatit loại I từ quặng cấp hạt nhỏ sử dụng chất kết dính.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ tài liệu công nghệ về: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình công nghệ chế tạo chất kết dính dùng cho sản xuất phốt pho vàng từ quặng apatit cấp hạt nhỏ trên cơ sở ứng dụng công nghệ nano.</li> <li>- Quy trình công nghệ sản xuất viên quặng apatit loại I từ quặng cấp hạt nhỏ sử dụng chất kết dính.</li> </ul> </li> <li>2. Bộ tài liệu thiết kế hệ thống thiết bị pilot điều chế hệ chất kết dính từ quặng apatit cấp hạt nhỏ.</li> <li>3. 01 hệ thống thiết bị pilot nghiên cứu, sản xuất hệ chất kết dính, tối thiểu công suất 100kg/ngày, dùng cho sản xuất phốt pho vàng từ quặng apatit cấp hạt nhỏ.</li> <li>4. Sản phẩm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 500 kg chất kết dính đạt yêu cầu để sản xuất viên quặng apatit dùng làm nguyên liệu sản xuất phốt pho vàng.</li> <li>- 50 tấn viên quặng apatit loại I từ quặng apatit cấp hạt nhỏ đạt yêu cầu dùng làm nguyên liệu sản xuất phốt pho vàng.</li> </ul> </li> </ol>	Tuyển chọn



TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
5	<b>Đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia:</b> Nghiên cứu công nghệ chế tạo mực in nhũ tương nước trong dầu dùng cho các loại máy in kỹ thuật số.	1. Làm chủ công nghệ chế tạo mực in nhũ tương nước trong dầu dùng cho các loại máy in kỹ thuật số. 2. Chế tạo được mực in nhũ tương nước trong dầu dùng cho các loại máy in kỹ thuật số có chất lượng tương đương với mực in cùng loại của Nhật Bản (VT600).	1. Bộ tài liệu công nghệ: - Quy trình công nghệ phân tán chất màu pigment; - Quy trình công nghệ chế tạo mực in nhũ tương nước trong dầu dùng cho các loại máy in kỹ thuật số. 2. Bộ tài liệu thiết kế hệ thống thiết bị pilot chế tạo mực in nhũ tương nước trong dầu dùng cho các loại máy in kỹ thuật số. 3. Sản phẩm: 04 loại mực in nhũ tương nước trong dầu (màu xanh, màu đỏ, màu vàng và màu đen), mỗi loại tối thiểu 10 kg dùng cho các loại máy in kỹ thuật số và chất lượng tương đương với mực in cùng loại của Nhật Bản (VT600).	Tuyển chọn
6	<b>Đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia:</b> Nghiên cứu công nghệ tuyển và chế biến sâu quặng graphit mỏ Bảo Hà tỉnh Lào Cai	1. Xây dựng được quy trình công nghệ tuyển hợp lý đảm bảo chất lượng quặng tinh và thu hồi tối đa tài nguyên cho mỏ graphit Bảo Hà tỉnh Lào Cai; 2. Xây dựng được quy trình công nghệ chế biến sâu quặng tinh thu được sản phẩm graphit chất lượng cao làm nguyên liệu sản xuất gạch chịu lửa và pin. 3. Xây dựng hệ thống trang thiết	1. Bộ tài liệu quy trình công nghệ tuyển quặng graphit mỏ Bảo Hà có hàm lượng carbon trong quặng tinh từ 80-92% và mức thực thu $\geq 90\%$ ; 2. Bộ tài liệu quy trình công nghệ chế biến sâu tinh quặng graphit mỏ Bảo Hà thu được các sản phẩm graphit có hàm lượng $\geq 95\%C$ và $\geq 99\%C$ . 3. Hệ thống trang thiết bị công nghệ phục vụ tuyển và chế biến sâu quặng graphit đáp ứng các yêu cầu chỉ tiêu sản phẩm tuyển và chế biến. 4. Sản phẩm tuyển và chế biến sâu graphit gồm: - 500kg quặng graphit tinh 80- 92%C;	Tuyển chọn



TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
		bị công nghệ phục vụ nghiên cứu thử nghiệm tuyển và chế biến sâu quặng graphit, ứng dụng sản xuất sản phẩm pin và gạch chịu lửa.	- 100 kg graphit tinh khiết $\geq 95\%C$ ; - 50 kg graphit tinh khiết $\geq 99\%C$ . 5. Mẫu sản phẩm lõi pin và gạch chịu lửa: Tối thiểu mỗi loại 10 mẫu, đáp ứng các tiêu chuẩn sản phẩm hiện hành.	